

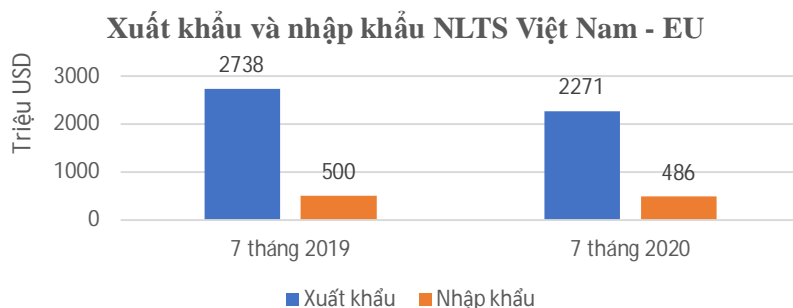
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

SỐ THÁNG 8
NĂM 2020

Thị trường Liên minh Châu Âu

ipard Bản tin được thực hiện bởi Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển NNNT

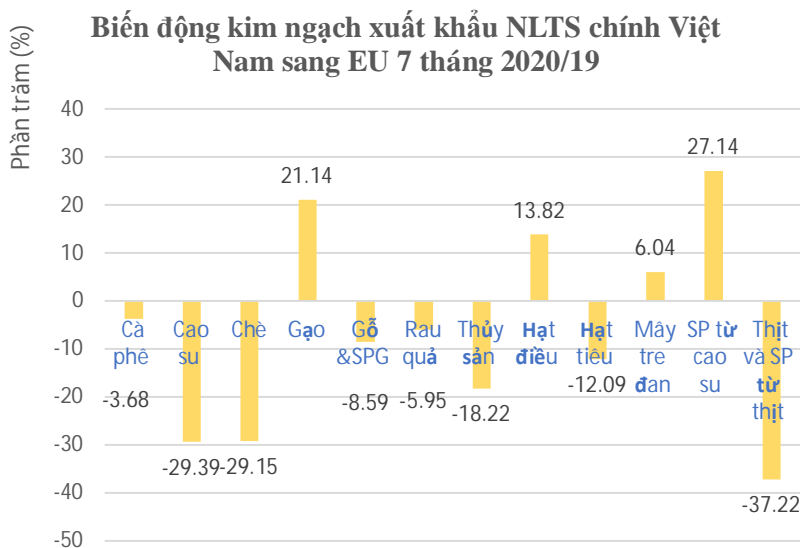
TÌNH HÌNH CHUNG



So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – EU

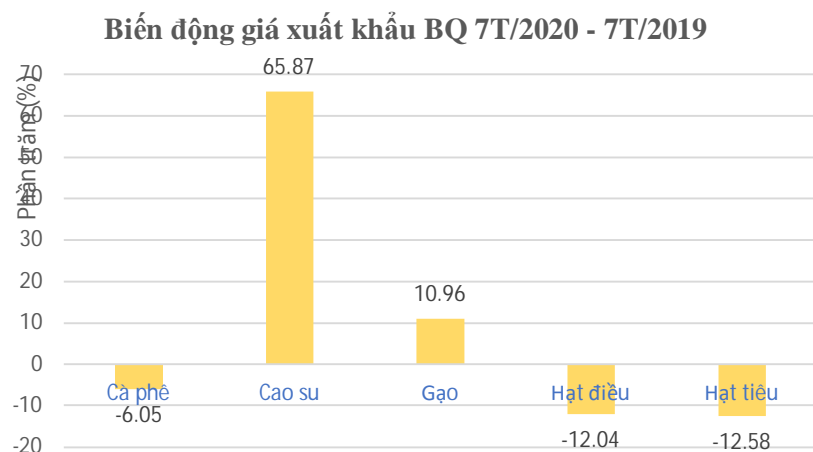
(7T/2020 – 7T/2019)

- Xuất khẩu ▼ 17,08 %
- Nhập khẩu ▼ 2,68 %



So sánh 7T/2020 với 7T/2019

- Cà phê ▼ 3,68 %
- Cao su ▼ 29,39 %
- Chè ▼ 29,15 %
- Gạo ▲ 21,14 %
- Gỗ và SP Gỗ ▼ 8,59 %
- Rau quả ▼ 5,95 %
- Thủy sản ▼ 18,22 %
- Hạt điều ▲ 13,82 %
- Hạt tiêu ▼ 12,09 %
- Mây tre đan ▲ 6,04 %
- SP từ cao su ▲ 27,14 %
- Thịt và SP từ thịt ▼ 37,2 %



So sánh giá xuất khẩu 7T/2020 – 7T/2019

- Cà phê ▼ 6,05 %
- Cao su ▲ 65,87 %
- Gạo ▲ 10,96 %
- Hạt điều ▼ 12,04 %
- Hạt tiêu ▼ 12,58 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Theo ước tính của Ủy ban Châu Âu, dịch COVID-19 sẽ khiến kinh tế toàn bộ 19 nước khu vực đồng tiền chung euro suy giảm 8,7% trong năm 2020, tăng trưởng 6,1% vào năm 2021. Trong bối cảnh dịch Covid 19 tác động nặng nề đến nền kinh tế các nước Châu Âu, kim ngạch xuất khẩu Nông lâm thủy sản (NLTS) của Việt Nam sang thị trường EU khó tránh khỏi sụt giảm. Kim ngạch xuất khẩu tháng 7/2020 đạt 303 triệu USD, giảm 4,47% so với tháng 6/2020, và giảm 12,89% so với cùng kỳ năm 2019.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU là thủy sản, hạt điều, cà phê, gỗ và các sản phẩm gỗ. So với tháng 6/2020, nhiều mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, nhiều nhất là gạo và thịt và sản phẩm thịt (giảm 36%), cà phê (giảm 23%), rau quả (giảm 21%), gỗ và các sản phẩm gỗ (giảm 13%). Trong khi đó, xuất khẩu một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng, như chè tăng 58%, cao su tăng 30%, các sản phẩm từ cao su tăng 27%, mây tre đan tăng 19%. Hai mặt hàng chiếm tỷ trọng xuất khẩu sang EU tương đối cao trong tổng xuất khẩu NLTS là thủy sản (chiếm tỷ trọng 33%) và hạt điều (tỷ trọng 21%) có kim ngạch xuất khẩu tăng lần lượt là 11% và 0,05%. So với cùng kỳ, xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt giảm nhiều nhất 62%, gạo giảm 44%, cà phê giảm 41%, trong khi đó mây tre đan xuất khẩu tăng 58%, chè tăng 41%, hạt điều, gỗ và các sản phẩm gỗ tăng ở mức 18%.

Nông nghiệp là nguồn phát thải khí nhà kính lớn thứ ba ở châu Âu, chiếm hơn 10% lượng khí thải. Đó là lý do tại sao EU muốn liên kết chặt chẽ sự phát triển và tài chính của lĩnh vực này với chính sách khí hậu và bảo vệ môi trường. Các chiến lược đa dạng sinh học mới và " From Farm to Fork" là một phần của Thỏa thuận Xanh, đưa ra các mục tiêu đầy tham vọng về vấn đề này, nhưng hiện một số nước thành viên lo ngại về việc có thể làm giảm sản lượng nông nghiệp ở EU ít nhất 20%. Là nhà nhập khẩu nông sản lớn nhất thế giới, EU cung cấp hơn 93 triệu tấn sản phẩm từ các nước khác hàng năm, theo dữ liệu từ Ủy ban Châu Âu. Và trong biên giới của mình, EU vận chuyển 3 triệu tấn thực phẩm mỗi năm. Nếu sản xuất nông nghiệp giảm, châu Âu có thể không đảm bảo được an ninh lương thực của mình, sẽ buộc phải nhập khẩu thực phẩm từ các lục địa khác

không đáp ứng các tiêu chuẩn cao của EU. Một số nước thành viên cho rằng đây là một chi phí kinh tế lớn, do nông dân và người tiêu dùng phải trả nhiều tiền hơn cho thực phẩm và cũng đi kèm với chi phí rất lớn cho môi trường. Kế hoạch của châu Âu nhằm làm cho nông nghiệp bền vững hơn có thể hạn chế sự đổi mới và làm giảm năng suất nông nghiệp của nông dân EU. Hiện vẫn chưa có thông tin chi tiết về việc thực hiện và cũng như việc Ủy ban châu Âu giải pháp đền bù thiệt hại cho nông dân, chẳng hạn như khi phải hạn chế diện tích canh tác.

Ngày 21/8/2020, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu đã công bố thỏa thuận về một gói cắt giảm thuế quan sẽ tăng khả năng tiếp cận thị trường cho hàng trăm triệu USD hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ và EU. Đây là lần đầu tiên Hoa Kỳ-EU đàm phán cắt giảm thuế quan trong hơn hai thập kỷ qua. Theo thỏa thuận, EU sẽ loại bỏ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm tôm hùm sống và đông lạnh của Hoa Kỳ. EU sẽ loại bỏ các thuế quan này trên cơ sở Tối huệ quốc (MFN), có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. Các loại thuế quan của EU sẽ được xóa bỏ trong thời gian 5 năm và Ủy ban Châu Âu sẽ nhanh chóng bắt đầu các thủ tục để xóa bỏ vĩnh viễn. Về phía Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ giảm 50% thuế suất đối với một số sản phẩm mà EU xuất khẩu có giá trị thương mại trung bình hàng năm là 160 triệu USD, bao gồm một số loại đồ ăn chế biến sẵn, đồ thủy tinh pha lê, các chế phẩm hoạt động bề mặt, bột phóng propellant, bột lửa và các bộ phận bột lửa. Việc cắt giảm thuế quan của Hoa Kỳ cũng sẽ được thực hiện trên cơ sở MFN và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2020. Thỏa thuận này kỳ vọng sẽ mang lại kết quả tích cực cho nền kinh tế của cả Hoa Kỳ và EU, là bước khởi đầu của quá trình nhằm tạo ra thương mại xuyên Đại Tây Dương tự do, công bằng và có đi có lại hơn.

Kể từ ngày 12 tháng 8, một số sản phẩm xuất khẩu điển hình của Campuchia như hàng may mặc, giày dép và hàng du lịch phải chịu thuế hải quan của Liên minh châu Âu. Quyết định của EU rút một phần quyền tiếp cận miễn thuế theo hạn ngạch của Campuchia vào thị trường EU hiện đã có hiệu lực. Đối xử ưu đãi mà Campuchia được hưởng theo "Everything But Arms" (EBA) - thỏa thuận thương mại của EU dành cho các nước kém phát triển - hiện đã tạm thời bị dỡ bỏ do những lo ngại nghiêm trọng và có hệ thống liên quan đến nhân quyền ở nước này. EU thực thi biện pháp này trong khi vẫn cởi mở cam kết với Campuchia về những cải cách cần thiết.

Hiệp định thương mại Việt Nam-EU (EVFTA) dự kiến sẽ có hiệu lực từ ngày 1-8-2020. EVFTA hiện có mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho Việt Nam trong số các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết (99% dòng thuế nhập khẩu giữa hai bên được xóa bỏ trong vòng 7 đến 10 năm). Đây là cơ hội lớn để Việt Nam tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản vào thị trường EU thời gian tới. Tuy nhiên, để tận dụng được hưởng mức thuế ưu đãi như trong Hiệp định EVFTA đã cam kết, các sản phẩm của Việt Nam phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ. Tiêu chí về xuất xứ đối với các sản phẩm EVFTA là “Xuất xứ thuần túy”. Cụ thể, thủy sản phải được sinh ra hoặc lớn lên tại một nước thành viên thuộc Hiệp định EVFTA; nguyên liệu đầu vào đối với sản phẩm điều cũng cần phải là 100% xuất xứ từ Việt Nam hoặc đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp chế biến điều Việt bởi nguồn nguyên liệu cho chế biến điều nhân xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập từ các nước Châu Phi hoặc ASEAN khá nhiều. Tương tự, để tận dụng cơ hội từ EVFTA, vấn đề về nguồn gốc, xuất xứ gỗ nguyên liệu là bài toán khó đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Nếu phát hiện nguồn gốc gỗ nguyên liệu được khai thác bất hợp pháp các đối tác EU sẽ từ chối đơn hàng ngay lập tức.

Để thực hiện các cam kết của Hiệp định về xuất xứ hàng hóa, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 quy định về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định EVFTA, có hiệu lực từ ngày 01/8/2020. Ngày 21/8/2020, Tổng cục Hải quan đã ban hành công văn 5575/TCHQ-GSQL hướng dẫn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA trong khi chờ ban hành Nghị định biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định EVFTA. Về phía Việt Nam, Việt Nam sẽ cho hưởng ưu đãi đối với lô hàng có xuất xứ từ EU trên cơ sở chứng từ tự chứng nhận xuất xứ được phát hành bởi nhà xuất khẩu đã đăng ký mã số REX hoặc bởi bất kỳ nhà xuất khẩu nào chứng nhận cho lô hàng trị giá không quá 6.000 euro.

Ngày 20/8/2020, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn, trong đó có đề ra các nhiệm vụ về công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về EVFTA và thị trường của các nước EU, xây dựng pháp luật thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành nông nghiệp, chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

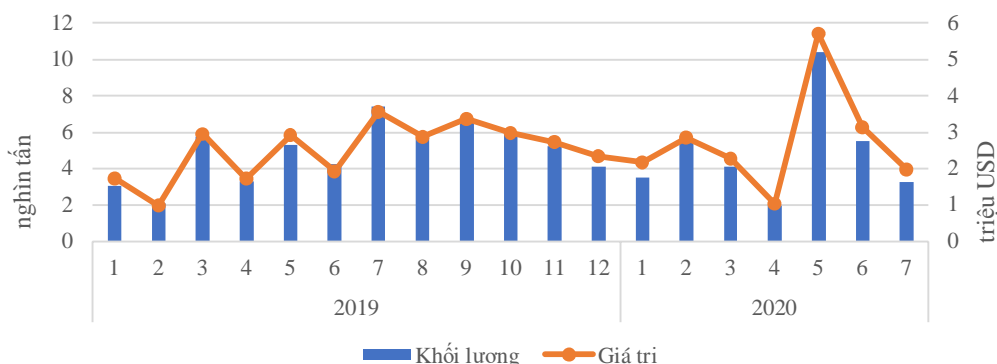
CHI TIẾT CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Theo dự báo cập nhật tháng 8/2020 của USDA, sản lượng gạo của EU trong năm 2020 vẫn được dự báo là sẽ đạt xấp xỉ so với năm trước với khoảng 2,0 triệu tấn. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của EU kỳ vọng sẽ đạt 2,3 triệu tấn, tăng 141 nghìn tấn so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 7/2020, Việt Nam xuất khẩu được 3,3 nghìn tấn gạo, trị giá 2,0 triệu USD sang thị trường EU, giảm 41,0% về khối lượng và 36,8% về giá trị so với tháng 6/2020, và giảm 55,9% về khối lượng và 44,4% so với tháng 7/2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong sáu tháng đầu năm đạt 34,2 nghìn tấn gạo và 19,2 triệu USD, tăng 9,7% về khối lượng và 21,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường EU



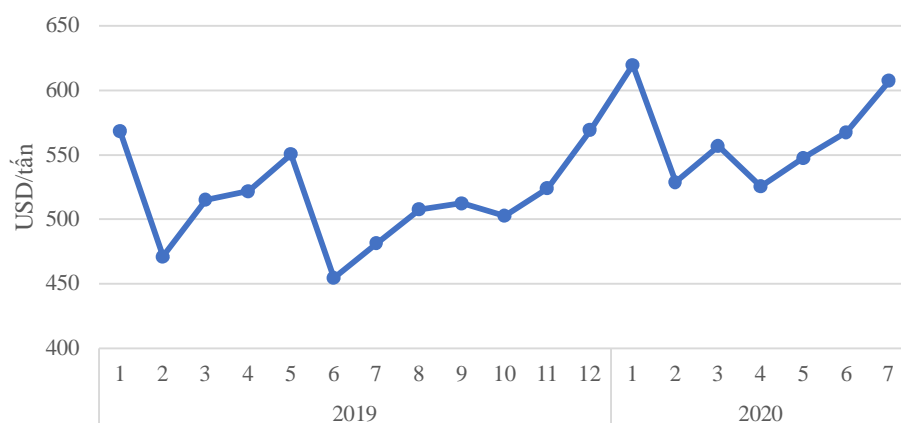
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2020, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang EU đạt 2,8 nghìn tấn, trị giá 1,7 triệu USD (chiếm 85,4% về khối lượng và 86,2% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo thơm sang EU đã giảm 5,1% về khối lượng nhưng tăng 2,7% về giá trị. Đứng thứ hai là gạo Japonica đạt 361 tấn, trị giá 194,7 nghìn USD (11,0% về khối lượng và 9,8% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo Japonica sang EU đã giảm 82,4% về khối lượng và 80,5% về giá trị. Đứng thứ ba là gạo trắng đạt 100 tấn, trị giá 63,5 nghìn USD (3,0% về

khối lượng và 3,2% về giá trị); so với tháng 7/2019, xuất khẩu gạo trắng sang EU đã giảm 94,1% về khối lượng và 89,8% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường EU tháng 7/2020 đạt 607,7 USD/tấn, tăng 7,0% so với tháng 6/2020 và 26,2% so với cùng kỳ năm 2019.

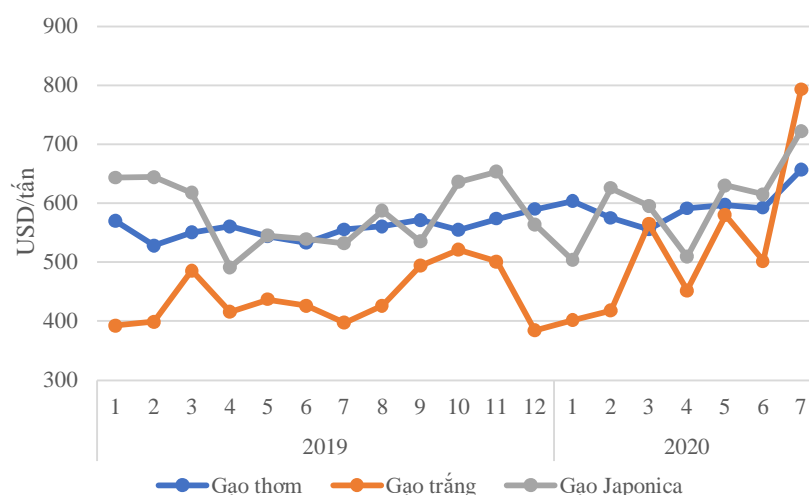
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường EU có xu hướng tăng lên trong tháng. Giá gạo thơm tháng 7/2020 đạt trung bình 657,1 USD/tấn, tăng 10,9% so với tháng 6/2020 và 18,3% so với cùng kỳ năm ngoái; gạo trắng có giá 793,9 USD/tấn, tăng 58,1% so với tháng 6/2020 và 99,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo Japonica đạt 722,5 USD/tấn, tăng 17,4% so với tháng 6/2020 và 35,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm, gạo trắng và gạo Japonica sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ

Trong tháng 7/2020, top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh, Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang, và Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời. Ba công ty này lần lượt chiếm 40,6%, 14,8%, và 10,5% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường EU trong tháng 7/2020. So với cùng kỳ năm 2019, kim ngạch xuất khẩu của các công ty này ước tính tăng trưởng như sau: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Đại Dương Xanh tăng 30,1%, Công ty CP Xuất Nhập khẩu An Giang tăng 26,3%, và Công ty CP Tập đoàn Lộc Trời giảm 68,4%.

2. Rau quả

Vào ngày 6/8/2020, Hiệp hội táo và lê thế giới (WAPA) đã đưa ra dự báo về vụ mùa táo và lê của EU năm 2020 tại phiên làm việc trực tuyến đầu tiên trong Hội nghị trái cây lần thứ 45. WAPA dự báo vụ táo tươi của EU năm 2020 đạt 10,7 triệu tấn, thấp hơn 1% so với vụ thu hoạch năm 2019 và thấp hơn 4% so với mức trung bình của 10 năm trước đó. Sản lượng lê tươi được dự báo đạt 2,2 triệu tấn, tăng 12% so với năm 2019, nhưng thấp hơn 3% so với mức trung bình 10 năm. Dự báo này phản ánh tình hình tiêu thụ táo và lê gia tăng vào giữa tháng 7 do tác động từ đại dịch Covid-19. Hiệu quả lâu dài không rõ ràng do người tiêu dùng phải cân bằng nhu cầu về thực phẩm lành mạnh với áp lực kinh tế gia tăng.

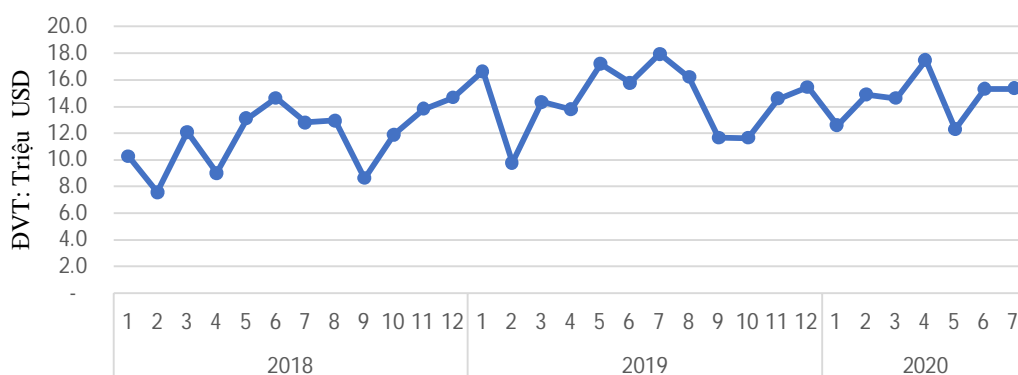
Cơ quan kiểm dịch thực vật của Liên minh châu Âu (EU) đã xác nhận xoài từ Côlômbia được nhập khẩu vào EU mà không cần áp dụng phương pháp kiểm dịch. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu xoài của Côlômbia tới EU. Dự kiến xuất khẩu xoài của Côlômbia tới EU năm 2020 sẽ tăng cao hơn so với 700 tấn trong năm 2019.

Nguồn cung quả hạch tại Tây Ban Nha sẽ kết thúc sớm trong 2-3 tuần tới. Mơ của Pháp đã cạn kiệt và nguồn cung cấp quả hạch của Tây Ban Nha như đào, xuân đào cũng đang trở nên khan hiếm hơn. Khi kết thúc mùa quả hạch cũng là lúc bắt đầu mùa trái cây có múi của EU, nhu cầu về trái cây có múi ở EU đang tăng lên, đặc biệt là cam do tác động của dịch Covid-19. Đây là loại trái cây được biết đến với nguồn vitamin C dồi dào. Đại dịch còn diễn biến phức tạp đồng nghĩa với việc có nhiều người có nhu cầu đối với loại trái cây này.

Mùa vụ quả việt quất tại Đức kết thúc vào cuối tháng 8 – sớm hơn các năm trước (tháng 9 hoặc đầu tháng 10), mặc dù thời gian vụ thu hoạch ngắn hơn nhưng sản lượng cao hơn 30% so với năm 2019.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường EU tháng 7 năm 2020 đạt 15,3 triệu USD, chiếm 6,9% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 0,1% so với tháng trước và giảm 14,5% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 17,9 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu đạt 102,5 triệu USD, chiếm 5,2% thị phần và giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2019 (105,5 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường EU

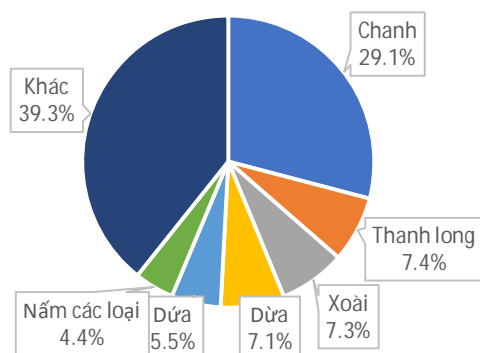


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang EU trong tháng 7 năm 2020 chủ yếu là trái cây (đạt 12,7 triệu USD, chiếm 83% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang EU), trong đó các loại trái cây chưa qua chế biến (tươi, khô, đông lạnh...) chiếm tới 49,6% (so cùng kỳ 2019 là 49,9%), trái cây chế biến chiếm 33,4% (cùng kỳ 2019 là 35,9%). Mặt hàng rau đạt 2,6 triệu USD (chiếm 17%), trong đó chủ yếu là rau chưa qua chế biến (rau tươi, khô hoặc đông lạnh) với 13,8% (năm 2019 là 9,7%), rau chế biến chiếm 3,2% (năm 2019 là 4,5%).

Các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất sang EU trong tháng 7/2020 bao gồm chanh đạt 4,2 triệu USD (chiếm 27,5% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2019); thanh long đạt 1,1 triệu USD (chiếm 7%, tăng 29,3%); xoài đạt 1,1 triệu USD (chiếm 6,9%, tăng 103,8%); dứa đạt 1 triệu USD (chiếm 6,7%, giảm 17,3%); dưa đạt 0,8 triệu USD (chiếm 5,2%, tăng 70,2%); nắm các loại đạt 0,6 triệu USD (chiếm 4,1%, tăng 8,6%); ...

Hình 5: Cơ cấu một số loại rau quả chính xuất khẩu sang EU trong tháng 7/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 7/2020, rau quả chế biến đạt 5,6 triệu USD (chiếm 36,5% tổng giá trị xuất khẩu) giảm 22,7% so với cùng kỳ 2019 (đạt 7,3 triệu USD). Tỷ trọng các loại sản phẩm chế biến lần lượt là: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) chiếm 65,5%, giảm 27,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) chiếm 23,5% (giảm 1,8%); (iii) rau quả muối chua (mã HS. 2001) chiếm 4,7% (giảm 25,2%); ...

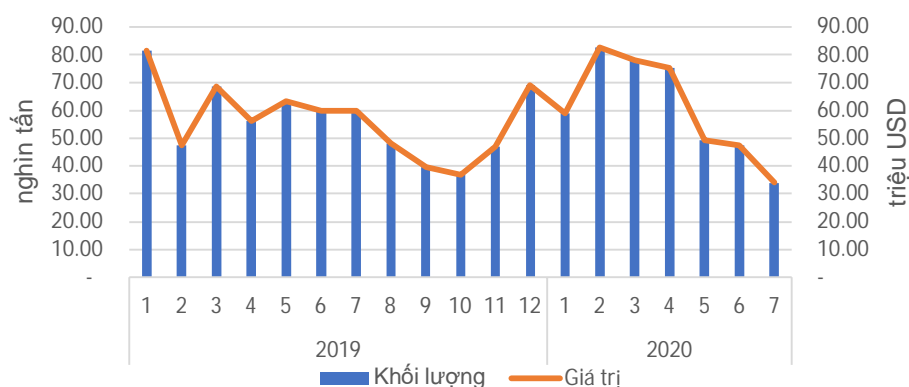
Giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam từ thị trường EU tháng 7 năm 2020 đạt 1,5 triệu USD, chiếm 1,2% tổng giá trị nhập khẩu, giảm 46,7% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 2,9 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá trị nhập khẩu đạt 17 triệu USD, giảm 13,4% so với cùng kỳ năm 2019 (19,6 triệu USD). Trong tháng 7/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là khoai tây đạt 0,6 triệu USD (chiếm 36,2%, giảm 61,1%); táo đạt 180,6 nghìn USD (chiếm 11,8%, giảm 37,3%); ...

Trong tháng 7/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng với giá trị xuất khẩu lần lượt là 1,8 triệu USD (chiếm 18,7% tổng giá trị xuất khẩu); 1,1 triệu USD (chiếm 7,2%); 1,1 triệu USD (chiếm 6,9%). So với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Chi nhánh Công ty TNHH Olam Việt Nam tại Khu công nghiệp Biên Hòa II giảm 30%, Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ giảm 18,5% và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trường Hoàng Lâm Đồng giảm 15,1%.

3. Cà phê

Xuất khẩu cà phê sang thị trường EU giảm mạnh do tồn kho tại cảng lớn. Xuất khẩu cà phê tháng 7/2020 đã giảm 28,2% về khối lượng và 23,2% về giá trị so với tháng 6/2020. Theo đó, trong tháng 7/2020, Việt Nam xuất khẩu 34 nghìn tấn cà phê sang Châu Âu, giá trị 56,5 triệu USD, giảm 43,3% về khối lượng và giảm 41,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 425,7 nghìn tấn và đạt 675,1 triệu USD, giảm 2,6% về khối lượng và giảm 3,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường EU

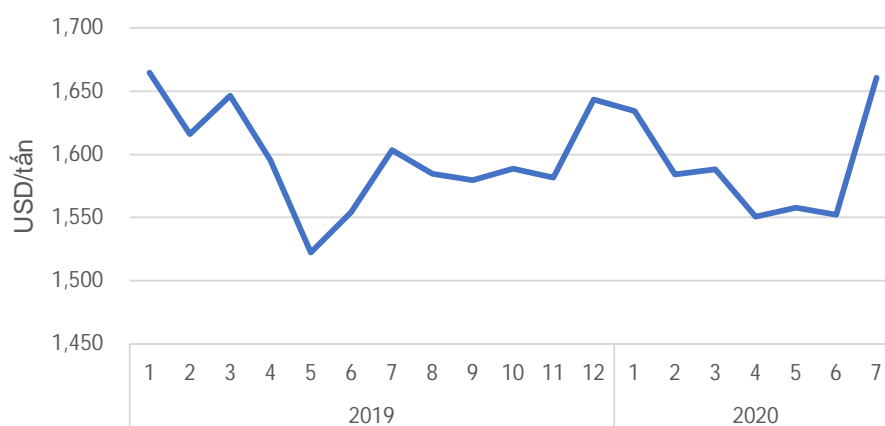


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các thị trường nhập khẩu cà phê chính tại EU bao gồm Ý (chiếm tỷ trọng 28,2%, đạt khối lượng 9,6 nghìn tấn), Đức (chiếm tỷ trọng 26,7%, đạt khối lượng 9,1 nghìn tấn), Tây Ban Nha (chiếm tỷ trọng 17,9%, đạt khối lượng 6,1 nghìn tấn), Bỉ (chiếm tỷ trọng 12,9%, đạt khối lượng 4,4 nghìn tấn)... Tháng 7/2020, xuất khẩu cà phê sang một số thị trường giảm so với tháng 7/2019 như: Tây Ban Nha (giảm 55,7%, đạt 10,1 triệu USD), Đức (giảm 53%, đạt 15,4 triệu USD), Bỉ (giảm 40,3%, đạt 6,9 triệu USD). Ngược lại, xuất khẩu cà phê sang Ý tăng. Đáng chú ý, trong tháng 7/2020, Ý đã vươn lên trở thành thị trường nhập khẩu cà phê Việt Nam lớn nhất tại Châu Âu với giá trị đạt 15,1 triệu USD, khối lượng 9,6 nghìn tấn, tăng 1,7% về giá trị và tăng 2,8% về khối lượng so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cà phê sang xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 160,6 nghìn tấn, giá trị đạt 243,7 triệu USD, tăng 2,1% về khối lượng và giảm 1,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 7/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU là 1.660 USD/tấn, tăng 6,9% so với tháng 6/2020 và tăng 3,5% so với tháng 7/2019. Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại EU giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 1.586 USD/tấn. Giá cà phê bình quân tăng cao do Việt Nam là nhà xuất khẩu cà phê Robusta hàng đầu thế giới. Trước tình hình dịch bệnh kéo dài, tiêu thụ tại nhà trở nên được ưa chuộng hơn, trong khi cà phê Robusta đã phần được sử dụng làm cà phê hóa tan. Giá cà phê Robusta tăng lên và xu hướng sẽ còn tiếp tục trong thời gian tới.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

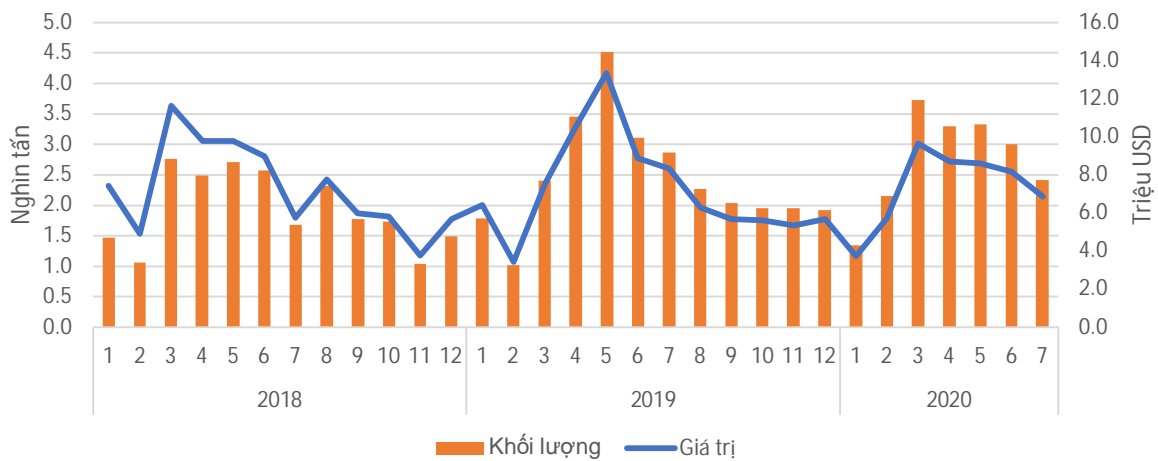
Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử cafein (mã HS 090111) chiếm tỷ trọng 92%, giá trị 621,4 triệu USD, giảm 18,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Cà phê nhân thô giảm trong khi cà phê chế biến có sự tăng trưởng ổn định. Cụ thể, cà phê chưa rang, đã khử cafein (mã HS 090112) tăng 10% về khối lượng và tăng 8,8% về giá trị; cà phê hòa tan, tinh chất (mã HS 2101) tăng 10,4% về khối lượng so với cùng kỳ năm 2019.

Tổ chức Cà phê thế giới (ICO) cho biết xuất khẩu cà phê toàn cầu 9 tháng đầu niên vụ 2019-2020 đạt 5,7 triệu tấn cà phê, giảm 5,1% và dự báo sản lượng cà phê thế giới 2019-2020 thặng dư 1,85 triệu bao, tương đương 111 nghìn tấn cà phê. EU cũng được dự báo sẽ tăng nhập khẩu thêm 120 nghìn tấn, đạt mức 2,9 triệu tấn cà phê, chiếm gần 45% lượng nhập khẩu cà phê hạt của toàn thế giới.

4. Hồ tiêu

Chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường EU đã giảm mạnh từ tháng 4/2020. Tính chung 4 tháng gần đây, từ tháng 4 đến tháng 7/2020, xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang EU đạt 12 nghìn tấn, tương đương 32,3 triệu USD, giảm 13,6% về khối lượng và giảm 21,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

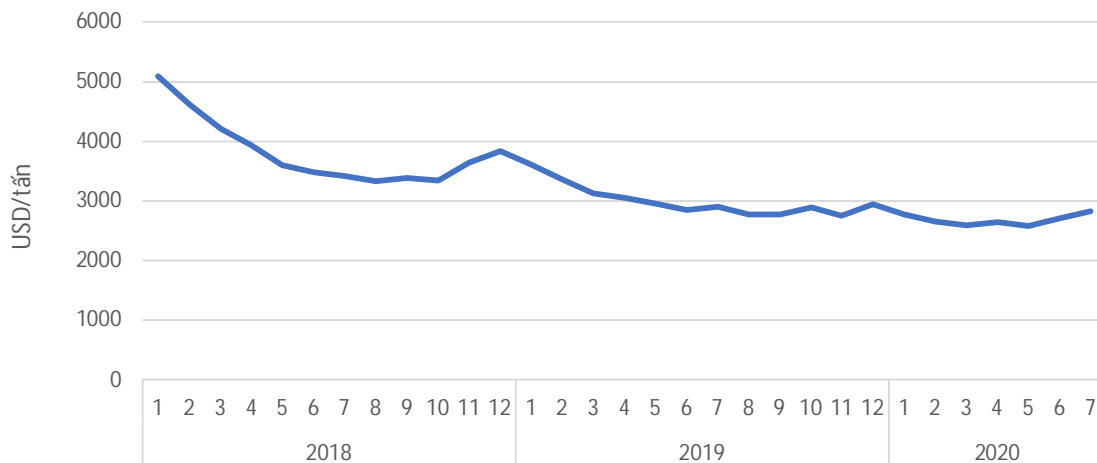
Hình 8: Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Giá xuất khẩu bình quân của hồ tiêu sang thị trường EU tiếp tục tăng trong tháng 7/2020. Cụ thể, giá hồ tiêu xuất khẩu bình quân sang EU đạt 2.832 USD/tấn trong tháng 7/2020, tăng 4,5% so với tháng 6/2020 và tăng 9,7% so với tháng 5/2020.

Hình 9: Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

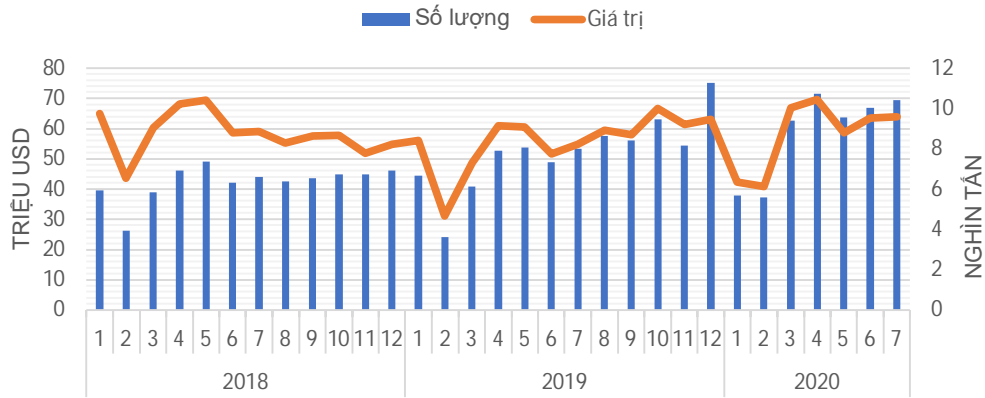
Mặc dù xuất khẩu giảm do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nhưng xuất khẩu tiêu của Việt Nam vẫn đang có triển vọng tốt tại nhiều thị trường EU, điển hình như thị trường Pháp. Trong 5 tháng đầu năm 2020, Pháp tăng nhập khẩu hồ tiêu từ Việt Nam trong khi giảm nhập khẩu từ Brazil, đưa Việt Nam trở thành nguồn cung hồ tiêu lớn nhất của Pháp. Theo số liệu thống kê của Eurostat, nhập khẩu hồ tiêu của Pháp trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 5.281 tấn, trị giá 21,38 triệu USD) tăng 2,7% về lượng, nhưng giảm 3,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 27,1% tổng nhập khẩu, tăng từ mức 10,4% trong 5 tháng đầu năm 2019. Trong khi đó, thị phần hồ tiêu của Brazil trong tổng lượng nhập khẩu của Pháp giảm từ 34,2% trong 5 tháng đầu năm 2019, xuống 26,8% trong 5 tháng đầu năm 2020.

Thời gian tới, xuất khẩu hồ tiêu sang EU được kỳ vọng sẽ có triển vọng tốt hơn khi có thêm lợi thế từ Hiệp định EVFTA. Từ ngày 1/8/2020, thuế suất mà khối EU áp dụng cho Việt Nam đối với các sản phẩm hồ tiêu chế biến sẽ được xóa bỏ hoàn toàn (giảm từ mức 4% như hiện nay). Đây là một lợi thế rất lớn của Việt Nam khi cạnh tranh với các đối thủ khác.

5. Điều

Trong 7 tháng đầu năm 2020, lượng xuất khẩu điều nhân của Việt Nam sang thị trường EU vẫn đạt mức tăng trưởng tốt, mặc dù dịch Covid – 19 gây ảnh hưởng lớn tới giá điều thế giới. Theo số liệu cập nhật của Tổng cục Hải quan, khối lượng xuất khẩu hạt điều trong 7 tháng đầu năm 2020 sang thị trường này đạt 61,35 nghìn tấn và 405,7 triệu USD, tăng 28,6 về khối lượng và 11,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trong tháng 07/2020 Việt Nam xuất khẩu điều nhân sang thị trường này đạt 10,4 nghìn tấn, trị giá 64 triệu USD, tăng 30,1% về khối lượng và 16.7% về giá trị so cùng kỳ năm 2019.

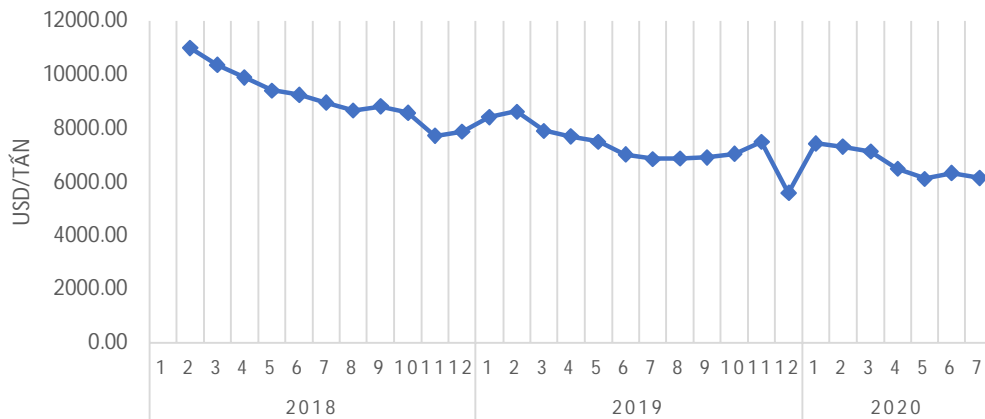
Hình 10: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến ngành điều Việt Nam trong thời gian vừa qua. Giá điều nhân liên tục giảm trong thời gian qua khiến nhiều doanh nghiệp chế biến điều của Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề khi đã dự trữ nguyên liệu với giá cao nhưng phải xuất khẩu đi với giá thấp. Giá xuất khẩu điều nhân trung bình sang thị trường EU trong tháng 7/2020 đạt 6.152USD/tấn, giảm 2.83% so với tháng 06/2020, giảm 10,28% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Hiệp định thương mại EVFTA có hiệu lực từ ngày 01/08/2020 mở ra cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. EU cũng đã cam kết bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam liên quan tới nông sản, thực phẩm nổi tiếng có tiềm năng xuất khẩu cao như hạt điều Bình Phước, trà Mộc Châu, cà phê

Buôn Ma Thuột, thanh long Bình Thuận... Đây là những mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam, do đó các doanh nghiệp nên tiếp tục tập trung sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, quảng bá nhãn hiệu, marketing sản phẩm để tận dụng ưu đãi từ EVFTA, đẩy mạnh xuất khẩu vào EU. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn liên đang tiến hành rà soát và bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng năm với mục tiêu làm hài hòa các tiêu chuẩn. Với mỗi doanh nghiệp, điều cần thiết là sản phẩm xuất khẩu phải vượt qua được nhiều hàng rào kỹ thuật, nếu không chuẩn hóa quy trình sản xuất, sản phẩm không đạt chất lượng thì không thể hội nhập được. Nút thắt của ngành điều Việt Nam hiện nay là phải đảm bảo được nguồn nguyên liệu để phục vụ sản xuất, không lệ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Vì hàng hóa Việt Nam muốn được hưởng lợi ưu đãi thuế quan theo EVFTA khi xuất khẩu vào thị trường này thì nguyên liệu đầu vào cần phải là 100% xuất xứ từ Việt Nam hoặc đáp ứng được một tỷ lệ về hàm lượng nội khối nhất định. Đây là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp chế biến điều Việt bởi nguồn nguyên liệu cho chế biến điều nhân xuất khẩu hiện nay chủ yếu được nhập từ các nước Châu Phi hoặc ASEAN khá nhiều. Tại hội nghị trực tuyến "Triển khai Kế hoạch thực thi Hiệp định EVFTA" mới đây do Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc chủ trì, các doanh nghiệp kiến nghị sự vào cuộc của Chính phủ về quy hoạch các vùng sản xuất nguyên phụ liệu một cách bài bản để cung ứng cho ngành sản xuất trong nước và xuất khẩu.

Dự báo xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong quý III sang thị trường EU sẽ giảm nhẹ, vì cuối quý II và đầu quý III giá điều nhân xuất khẩu rất thấp, với thực trạng giá điều thô tăng cao, khó cân đối khiến nhiều doanh nghiệp chế biến điều vừa và nhỏ tạm ngừng sản xuất. Dự kiến sang đến quý IV xuất khẩu điều nhân sẽ có khởi sắc, vì vào những tháng cuối năm các nhà nhập khẩu EU sẽ tăng nhập khẩu phục vụ nhu cầu các dịp lễ cuối năm. Khuyến cáo cho các doanh nghiệp chế biến điều Việt Nam hiện tại giá điều thô có thể giảm sâu những cũng sẽ tăng quá cao, nên các doanh nghiệp cần cân đối để bán điều nhân với giá phù hợp, tránh bán với giá thấp.

6. Thịt và sản phẩm từ thịt

Theo Ủy ban Châu Âu (EC), trong 5 tháng đầu năm 2020, EU đã sản xuất khoảng 2,7 triệu tấn thịt bò, giảm 5% (tương đương 145 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm trước (không bao gồm Anh). Nhìn chung, sản lượng thịt bò của khối EU vẫn ổn định cho đến tháng 4 và tháng 5, khi sản lượng giảm khoảng 13% so với cùng kỳ năm 2019 do chuỗi cung ứng bị gián đoạn bởi dịch Covid-19 từ đầu năm. Suy giảm sản lượng xảy ra ở hầu hết các quốc gia trong khối EU, bao gồm cả các quốc gia lớn như Pháp, Đức. Sản lượng sụt giảm lớn nhất là ở Ý, nước này đã giảm 16% (tương đương 50 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng thịt bò của thị trường EU giảm phần lớn do sự sụt giảm xuất khẩu từ đầu năm, xuất khẩu thịt bò trong 5 tháng đầu năm của toàn khối đã giảm 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tác động lớn nhất đến xuất khẩu thịt bò của EU là do sự giảm các đơn hàng tới Anh. Mặc dù xuất khẩu sang một số thị trường khác như Trung Quốc, Canada và Nhật Bản đã tăng, nhưng vẫn không đủ bù đắp lượng sụt giảm của thị trường Anh.

Tổng lượng nhập khẩu thịt bò trong 5 tháng đầu năm của EU đạt 110.300 tấn, giảm 21% so với cùng kỳ năm ngoái, phần lớn bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm của Anh. Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu từ các nước Nam Mỹ cũng giảm trong tháng 4 và tháng 5. Một phần nguyên nhân là do Trung Quốc đang tăng cường thu mua từ các quốc gia xuất khẩu chính ở Nam Mỹ (Brazil, Argentina, Uruguay) khiến cho lượng nhập khẩu của EU bị ảnh hưởng. Nguyên nhân khác được cho là do tác động bởi nhu cầu trong nước bị gián đoạn trong những tháng đầu năm nay.

Trong 5 tháng đầu năm, giá gia súc trên toàn khối EU và ở Anh nhìn chung đã giảm, đặc biệt là từ tháng 3 đến tháng 5, phản ánh sự thay đổi cung và cầu do dịch Covid-19 gây ra. Kể từ tháng 5, giá đã phục hồi phần lớn, do các biện pháp cách ly chống dịch Covid-19 được nới lỏng và nhu cầu dịch vụ ăn uống được cải thiện.

Theo số liệu báo cáo của Eurostat, lượng giết mổ lợn của EU trong tháng 5 đã giảm gần 8% so với cùng kỳ năm ngoái. Tổng đàn lợn của EU đạt 18,8 triệu

con, ít hơn 1,6 triệu con so với cùng kỳ năm ngoái, sụt giảm sản lượng chủ yếu do những gián đoạn gây ra bởi dịch Covid-19. Tổng sản lượng thịt lợn hơi trong 5 tháng đầu năm đạt 9,47 triệu tấn, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng trong tháng 5, sản lượng thịt lợn đã giảm 7% so với cùng kỳ năm 2019.

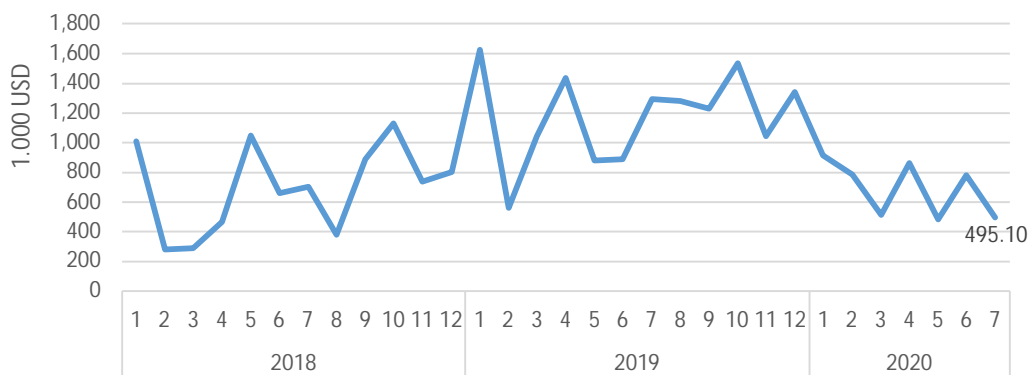
Giá lợn tại thị trường EU đã giảm kể từ giữa tháng 7, sau đó bắt đầu ổn định hơn vào những tuần cuối tháng 8. Trong những tháng qua, giá thịt lợn tại Châu Âu đã chịu áp lực lớn do ảnh hưởng với các biện pháp phòng dịch Covid-19. Tuy nhiên, các báo cáo gần đây, chỉ ra rằng các đơn hàng từ Trung Quốc đang tăng lên và các biện pháp cách ly chống dịch Covid-19 đã được nới lỏng giúp thương mại dần hồi phục có thể khiến giá thịt lợn tăng dần trở lại trong thời gian tới.

Tại Đức, cơ sở chế biến Tönnies đã hoạt động trở lại sau khi đóng cửa 1 tháng do có công nhân bị nhiễm vi-rút corona. Đồng thời ngày 17/8, Trung Quốc cũng đã cấp phép xuất khẩu trở lại, do đó dự kiến hoạt động thương mại sẽ sớm trở lại bình thường.

Trong khi đó, tại Đan Mạch, nhà máy Danish Crown tại Ringsted đã phải tạm dừng hoạt động 2 tuần trong tháng 8 sau khi nhân viên nhà máy bị phát hiện nhiễm vi-rút corona. Nhà máy này chiếm 1/5 công suất chế biến lợn của Đan Mạch, tuy nhiên, hoạt động sản xuất đã được chuyển sang các cơ sở khác. Hiện nhà máy này đã mở cửa trở lại và hoạt động ở mức 50% công suất, mặc dù việc xuất khẩu sang Trung Quốc vẫn bị ngưng lại.

Đối với Việt Nam, giá trị xuất khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường EU tháng 6 năm 2020 đạt 495,1 nghìn USD, chiếm 6,7% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 36,3% so với tháng trước và giảm 61,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 1,27 triệu USD). Tính chung 7 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường này đạt 4,83 triệu USD, giảm 37,2% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 7,69 triệu USD).

Hình 12: Kim ngạch xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Ba doanh nghiệp đứng đầu xuất khẩu trong tháng 7/2020 sang thị trường EU là công ty Cổ Phần Việt Long Sài Gòn (107,87 nghìn USD, chiếm 21,79%), công ty TNHH Chế biến thực phẩm Thương mại Ngọc Hà (93,3 nghìn USD, chiếm 18,8%), và công ty TNHH Xuất khẩu Thực phẩm Diệp Long (79,8 nghìn USD, chiếm 16,1%). Các mặt hàng thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường EU trong tháng 7/2020 gồm có đùi ếch đông lạnh (giá trị 420 nghìn USD, chiếm 85%); một số động vật sống như khỉ đuôi dài, bò sát (kỳ tôm, liu điu), trị giá 73,7 nghìn USD, chiếm 14,9%; còn lại là sản phẩm thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ khác đông lạnh (chiếm 0,1%).

Trong tháng 7/2020, Việt Nam tiếp tục nhập siêu các sản phẩm thịt từ thị trường EU, giá trị nhập khẩu thịt và sản phẩm thịt đạt 22,49 triệu USD, chiếm 12% thị phần, tăng 51,4% so với tháng 6, và tăng 56,1% so với cùng kỳ năm 2019. Sản phẩm nhập chủ yếu là thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, bò đạt 6,48 triệu USD (chiếm 28,8%, tăng 21,13% so với cùng kỳ năm 2019); thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh đạt 6,27 triệu USD (chiếm 27,9%, tăng 35,5% so với cùng kỳ năm ngoái); đặc biệt là thịt lợn đông lạnh tăng 200% so với tháng trước và 183,76% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 5,19 triệu USD, chiếm 23% lượng thịt nhập khẩu; còn lại các sản phẩm như mỡ, thịt bò đông lạnh, gà giống, thịt và phụ phẩm dạng thịt chế biến khác, v.v.

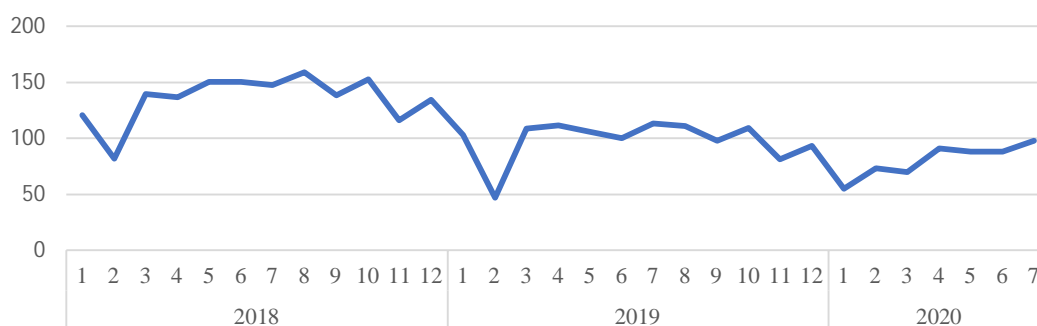
7. Thủy sản

Hiệp định EVFTA có hiệu lực mang lại nhiều cơ hội lớn cho thủy sản Việt Nam cạnh tranh và mở rộng ở thị trường này. Tuy nhiên, để tận dụng được hưởng mức thuế ưu đãi như trong Hiệp định EVFTA đã cam kết, các sản phẩm thủy sản của Việt Nam phải chứng minh được nguồn gốc xuất xứ. Tiêu chí về xuất xứ đối với các sản phẩm EVFTA là “Xuất xứ thuần túy”. Cụ thể, thủy sản phải được sinh ra hoặc lớn lên tại một nước thành viên thuộc Hiệp định EVFTA. Bên cạnh những khó khăn và thách thức đây là cơ hội cho phát triển ngành chế biến thủy sản của Việt Nam. Theo qui tắc cộng gộp, Việt Nam được phép sử dụng mực và bạch tuộc nguyên liệu từ các nước ASEAN để sản xuất mực và bạch tuộc chế biến xuất khẩu sang EU, nếu thỏa mãn điều kiện: (1) Nguyên liệu này thuộc mã HS 030741 hoặc 030751 (Phụ lục III – Nghị định thư 1) sử dụng để sản xuất các sản phẩm có mã HS 160554 và 160555); (2) Nguyên liệu có xuất xứ từ các nước ASEAN có FTA với EU cam kết tuân thủ các quy định tại Nghị định thư 1 và có hợp tác hành chính cần thiết với EU để bảo đảm việc thực thi đầy đủ Nghị định thư 1 này với EU và giữa họ với nhau.

Ngành thủy sản Việt Nam đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để gỡ “thẻ vàng” và nâng cao giá trị xuất khẩu. Tuy nhiên, việc khắc phục “thẻ vàng” IUU đang được các địa phương tích cực triển khai, nhưng vẫn còn nhiều tồn tại. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện nay đang tồn tại hai “lỗ hổng” lớn trong vấn đề thực hiện khai thác IUU cần được khắc phục. Thứ nhất là xử lý vi phạm hành chính tại các địa phương về các vấn đề khác như giấy phép, sản lượng lên bến... Thứ hai là xử lý tàu đánh bắt bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 7/2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU đạt 97,99 triệu USD, tăng 11,26% so với tháng 6/2020 nhưng giảm 13,38% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU chiếm 12,31% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 563,72 triệu USD, giảm 18,22% so với cùng kỳ năm trước. Tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất: tôm chiếm 54,69%; cá ngừ chiếm 15,77%.

Hình 13: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU



Nguồn: Tổng cục Hải quan

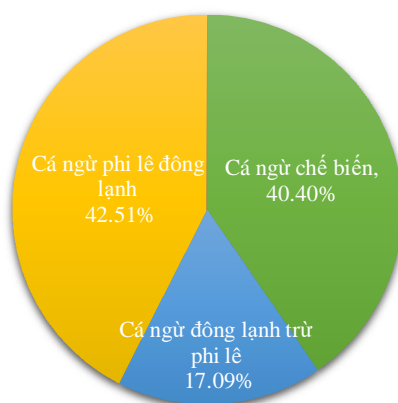
Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 7 năm 2020 đạt 53,59 triệu USD, giảm 3,00% so với cùng kỳ năm 2019, đưa giá trị xuất khẩu tôm 7 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 261,53 triệu USD, giảm 19,62%. Tôm thẻ chân trắng là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất ở thị trường này. Cụ thể, tính riêng tháng 7/2020, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 46,12 triệu USD, chiếm 84,34% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 8,88% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 5,90 triệu USD, chiếm 11,01%, giảm 24,83%; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 2,49 triệu USD, chiếm 4,65%, giảm 6,53%.

Mặt hàng cá tra, giá trị xuất khẩu tháng 7/2020 đạt 9,60 triệu USD, chiếm 9,80% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này, giảm 31,00% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, Cá tra sống/tươi/đông lạnh/ khô trừ phi-lê đạt 0,45 triệu USD, giảm 8,38%; Cá tra phi-lê đạt 8,91 triệu USD, giảm 31,57%; Cá tra chế biến đạt 0,24 triệu USD giảm 42,31%.

Mặt hàng cá ngừ, giá trị xuất khẩu cá ngừ sang thị trường này đạt 15,45 triệu USD, chiếm 15,77% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang Châu Âu, tăng 62,58% so với cùng kỳ năm 2019. Giá trị xuất khẩu cá ngừ phi lê đạt 6,57 triệu USD, tăng 36,01%; cá ngừ chế biến đạt 6,24 triệu USD, tăng 36,38%; giá trị xuất khẩu cá ngừ tươi, sống đông lạnh trừ phi lê đạt 2,64 triệu USD. Sự tăng trưởng này là do tác động của việc Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam (EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 đã khiến cho các nhà nhập khẩu EU tăng cường nhập khẩu từ Việt Nam. Theo các doanh nghiệp, thông thường, các lô hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang EU thường mất ít nhất khoảng 3 tuần. Chính vì vậy, mà trong tháng 7 các lô hàng cá ngừ của Việt Nam đang được

xuất cảng sớm để có thể sang tới nước xuất khẩu nhập kho ngoại quan chờ “thời điểm vàng” để thông quan và được hưởng mức thuế ưu đãi.

Hình 14: Cơ cấu xuất khẩu cá ngừ sang thị trường EU tháng 7/2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường EU như sau: Mực và bạch tuộc đạt 4,46 triệu USD, giảm 32,13%; Cua và ghẹ đạt 0,91 triệu USD, 2,60 lần; Các loại thủy sản khác đạt 13,99 triệu USD, giảm 14,38% so với cùng kỳ 2019.

Giá xuất khẩu cá ngừ (thuộc mã HS 0304) tháng 7/2020 đạt trung bình 8,05 USD/kg tăng 8,17% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cá tra (thuộc mã HS 0304) đạt trung bình 2,47 USD/kg, giảm 15,32% ; Cua-ghẹ đạt 14,12 USD/kg, giảm 2,73%; Tôm các loại (thuộc mã HS03) đạt 10,82 USD/kg, tăng 2,21% so với cùng kỳ 2019.

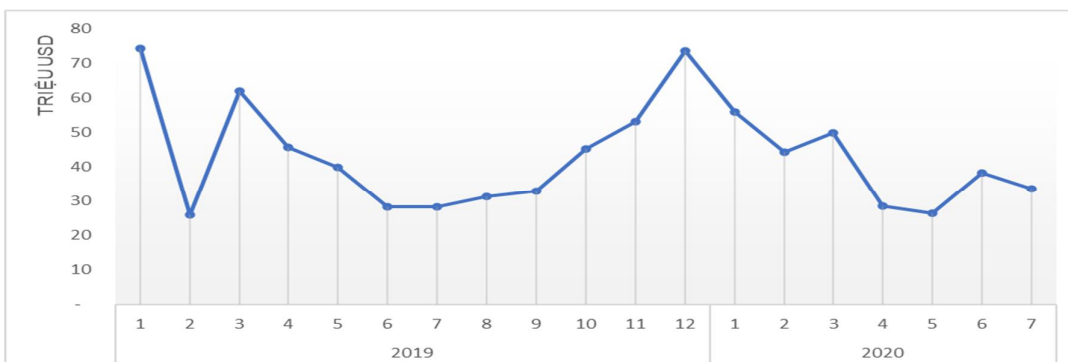
Tháng 7 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường EU là Công ty cổ phần Nha Trang Seafoods đạt 5,28 triệu USD chiếm 5,39% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần chế biến dịch vụ thủy sản Cà Mau đạt 4,85 triệu USD, chiếm 4,95%. Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú đạt 4,17 triệu USD, chiếm 4,25%.

8. Gỗ và sản phẩm từ gỗ

Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang thị trường EU tiếp tục suy giảm bởi đại dịch Covid-19. Trong 7 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam sang thị trường EU chỉ đạt 277 triệu USD, giảm tới 9% so với cùng kỳ năm 2019. Nếu tính riêng trong tháng 7, xuất khẩu gỗ và

các sản phẩm gỗ của Việt Nam sang thị trường này chỉ đạt 33,7 triệu USD, giảm 12 % so với tháng 6.

Hình 15: Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ sang EU



Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Hiệp định EVFTA sẽ có hiệu lực kể từ 1/8/2020, điều này được kì vọng sẽ đẩy nhanh tốc độ và quy mô hợp tác, thương mại và đầu tư, cũng như mang lại rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng hai phía. Một trong những nội dung quan trọng của Hiệp định là cam kết của EU và Chính phủ Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế mà hai bên thống nhất. Theo thông tin từ Bộ Công thương, ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực EU sẽ xóa bỏ 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Cũng theo nguồn tin này, trong vòng 7 năm sau đó EU sẽ tiếp tục xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này. Điều này có nghĩa rằng trong 7 năm tới, hầu như toàn bộ các mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU sẽ có mức thuế 0%. Đây là một lợi thế rất quan trọng cho các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh việc giảm thuế, hai bên cũng đồng ý đơn giản hóa các thủ tục hải quan, phòng vệ thương mại, cải cách thể chế... nhằm tạo cơ chế thông thoáng cho các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa hai bên. Theo báo cáo đánh giá tác động của hiệp định EVFTA tới các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU, có tổng cộng 253 dòng hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam chịu tác động về thuế trong EVFTA, tương ứng với 253 mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam khi xuất khẩu vào EU có thuế nhập khẩu 0%-10% trước khi EVFTA có hiệu lực, bao gồm 176 dòng hàng thuộc chương HS 44 và 77 dòng hàng thuộc chương HS 94.

Hiệp định EVFTA không chỉ mang lại tiềm năng về xuất khẩu, hiệp định này còn giúp cho việc tiếp cận máy móc, công nghệ hiện đại của EU trở nên thuận lợi hơn. Trước đây, các loại máy móc thiết bị, các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu từ EU phải chịu thuế từ 20 - 30%, thì khi EVFTA đi vào thực thi sẽ giảm giá thuế nhập khẩu, thậm chí được miễn thuế hoặc trả chậm khi doanh nghiệp có nhu cầu đầu tư trang thiết bị. Lợi ích không nhỏ khác là nhập khẩu nguyên liệu từ EU, nguồn gỗ của EU có chất lượng tốt, nguồn gốc rõ ràng, giúp các doanh nghiệp chế biến gỗ sẽ tăng khả năng thu mua khi được miễn thuế. Đây chính là cơ hội để các doanh nghiệp chế biến gỗ tìm lại thị trường.

EVFTA mang lại cơ hội giúp doanh nghiệp gỗ Việt Nam tiệm cận vị trí “mắt xích” quan trọng trong các chuỗi cung sản phẩm gỗ hiện có với khách hàng EU, tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đến các chuỗi cung ứng đồ gỗ toàn cầu như Hoa Kỳ, Nhật Bản,... Nhờ đó, doanh nghiệp Việt Nam có thể chủ động hình thành các chuỗi cung ứng mới, mở rộng thị phần xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường, thu được giá trị gia tăng cao hơn.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Với việc Hiệp định EVFTA chính thức có hiệu lực, mặt hàng gạo Việt Nam sẽ có hạn ngạch 80.000 tấn miễn thuế vào thị trường EU.

Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu sang EU, ngoài các quy chuẩn về chất lượng an toàn thực phẩm, doanh nghiệp còn cần chú ý hơn về thị hiếu người tiêu dùng ở thị trường này. Cụ thể, người dân EU thường nấu sơ gạo, sau đó sẽ rang/nấu trộn với các loại thực phẩm phụ thêm như dầu ăn, bơ, phô mai... để khiến món ăn thêm nhiều mùi vị. Đối với cách nấu này, nếu là loại gạo mềm, dẻo, dính thì gia vị sẽ khó ngấm đều xung quanh hạt cơm và khiến món ăn không ngon miệng. Do đó, doanh nghiệp nên xác định các loại gạo có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này sẽ là các loại gạo thơm, hạt dài, khô mịn, ít dính sau khi nấu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng nên chú ý hơn đến mẫu mã và khối lượng sản phẩm. Thực tế, người dân EU không ăn nhiều gạo, lượng thực chính của họ là các loại bánh mì, khoai tây... món cơm sẽ chủ yếu được ăn vào các dịp cuối tuần, hoặc các dịp đặc biệt, và được coi như một sự đổi vị món ăn. Do đó, việc đóng túi nhỏ 0,5-1kg là hoàn toàn cần thiết. Thậm chí, trong các bao gạo nhỏ này, nên phân chia thành các túi khoảng 125gr – tức là đủ một suất ăn, vì trong trường hợp không ăn hết, họ sẽ không phải lo lắng đến vấn đề bảo quản.

Cần nhấn mạnh rằng, người tiêu dùng EU không có truyền thống ăn gạo, nên nhiều người trong số họ không biết rõ cách nấu loại lương thực này. Do đó, trên bao bì rất cần thiết có in cách sử dụng kỹ lưỡng ví dụ bao nhiêu gram gạo nấu với bao nhiêu nước và trong thời gian bao lâu, để họ có thể đọc theo hướng dẫn để nấu. Ngoài ra, người dân thị trường này rất quan tâm đến vấn đề sức khỏe, do đó, các thông số liên quan đến chỉ số calo, các loại chất dinh dưỡng cũng rất cần thiết được in trên bao bì...

2. Rau quả

EU là thị trường có yêu cầu rất khắt khe về an toàn thực phẩm, do đó khi xuất khẩu rau quả tươi sang EU, doanh nghiệp phải tuân thủ các yêu cầu về an

toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm; tuân thủ xã hội, môi trường và kinh doanh. Để tránh rủi ro về sức khỏe và môi trường, EU đã thiết lập mức dư lượng tối đa (MRLs) cho thuốc trừ sâu trong và trên các sản phẩm thực phẩm, các sản phẩm chứa nhiều thuốc trừ sâu hơn mức cho phép sẽ bị rút khỏi thị trường EU. Ngoài ra người mua ở một số quốc gia thành viên như Đức, Hà Lan, Áo sử dụng các MRL chặt chẽ hơn các MRL được quy định trong luật pháp EU. Ngày càng có nhiều người mua yêu cầu thông tin trước về các chương trình và hồ sơ phun thuốc trừ sâu của nhà nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp và người sản xuất nên sử dụng Cơ sở dữ liệu thuốc trừ sâu của EU để tìm ra các MRL phù hợp với sản phẩm đồng thời áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) để giảm lượng thuốc trừ sâu (IPM là một chiến lược kiểm soát dịch hại nông nghiệp, cũng là một phần của Global GAP chứng nhận). Cùng với quản lý tốt việc sử dụng thuốc trừ sâu, doanh nghiệp xuất khẩu cần lưu ý luôn kiểm tra xem người mua có yêu cầu bổ sung đối với MRL và sử dụng thuốc trừ sâu hay không.

3. Điều

Xuất khẩu điều nhân sang thị trường EU được dự báo sẽ có xu hướng tăng nhẹ trong thời gian tới. Tiêu thụ điều nhân chế biến sâu ở mảng siêu thị tăng, nhưng ở mảng khách sạn, nhà hàng thì giảm. Các nhà nhập khẩu điều nhân từ giờ đến hết năm 2020 sẽ không ký hợp đồng với số lượng lớn và giữ hàng tồn kho vì chưa thể dự đoán được tình hình kinh tế trong thời gian tới sẽ như thế nào dưới tác động của đại dịch Covid 19. Giá điều nhân dự kiến trong thời gian tới sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới, khi lượng dự trữ điều thô hạn chế và nguồn cung điều nhân xuất khẩu giảm.

Theo thông tin từ Hội nghị trực tuyến của INC thì tổng cung điều thô năm nay đạt gần 4 triệu tấn, Ấn Độ đình trệ sản xuất do ảnh hưởng bởi dịch, Việt Nam khởi động sản xuất vụ mới chậm, nên nguồn cung điều thô năm nay sẽ không thiếu. Vì vậy các nhà máy không nên mua điều thô khi chưa cân đối được giá bán ra thị trường, và cũng không nên giữ tồn kho điều thô nhiều nếu chưa có hợp đồng điều nhân.

4. Cà phê

Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/08/2020, bao gồm mức cam kết cao nhất dành cho xuất khẩu cà phê

Việt Nam. Theo đó, sản phẩm cà phê của Việt Nam vào thị trường EU sẽ được hưởng thuế suất 0%. Dù Covid-19 đang gây khó khăn cho kinh tế và tiêu dùng, nhưng bánh mì, sữa, cà phê... vẫn là những mặt hàng có mức tiêu thụ cao tại EU. Tiêu thụ cà phê ở Châu Âu chuyển dịch có lợi cho dòng cà phê Robusta. Vì vậy, cùng với bộ đỡ của EVFTA, ngành cà phê có thể gia tăng giá trị vào thị trường này trong thời gian tới.

5. Thủy sản

Hiệp định EVFTA sẽ là đòn bẩy để thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường EU trong những tháng cuối năm nếu các doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu tốt và tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan. Tuy nhiên, theo các chuyên gia dự báo, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này năm 2020 không tăng trưởng mạnh do tác động bởi dịch Covid và doanh nghiệp xuất khẩu chưa đáp ứng được hết các yêu cầu của thị trường này. Bên cạnh đó, xuất khẩu hàng hải sản sang thị trường EU còn vướng “thẻ vàng” nên để tận dụng được cơ hội này ngành thủy sản cần có những giải pháp cụ thể hơn nữa để sớm xóa được “thẻ vàng” và nâng cao năng lực chế biến và chất lượng sản phẩm.

6. Gỗ và các sản phẩm gỗ

EU là một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của ngành gỗ Việt Nam. Với kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng được hưởng các ưu đãi về thuế khi EVFTA có hiệu lực không cao (trên dưới 10% trong tổng kim ngạch xuất khẩu), thực hiện EVFTA sẽ không tạo ra nhiều tác động tích cực trong việc nâng cao cạnh tranh, mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam tại thị trường này trong tương lai. Tuy nhiên, đây chỉ là những đánh giá trên phương diện thuế. Nội dung của EVFTA bao gồm các lĩnh vực rộng hơn thuế, như phát triển bền vững, xóa bỏ rào cản trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mở rộng đầu tư công, sở hữu trí tuệ... Thực thi của Hiệp định có tiềm năng trong việc thay đổi các lĩnh vực này trong tương lai. Thực thi Hiệp định cũng có tiềm năng trong việc quảng bá, thúc đẩy mở rộng thị trường cho các mặt hàng gỗ của Việt Nam.

Để tận dụng cơ hội từ EVFTA, vấn đề về nguồn gốc, xuất xứ gỗ nguyên liệu là bài toán khó đối với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ của Việt Nam. Nếu phát hiện nguồn gốc gỗ nguyên liệu được khai thác bất hợp pháp các đối tác EU sẽ từ

chối đơn hàng ngay lập tức. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường EU, cần tập trung vào các vấn đề then chốt như: tăng cường diện tích rừng trồng có chứng chỉ; tất cả các doanh nghiệp ngành gỗ khi tham gia chuỗi cung ứng phải minh bạch từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng. Nhìn chung, hàng rào thuế quan giảm mở ra cơ hội rất lớn cho ngành gỗ Việt Nam tại thị trường EU.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu Nông Lâm Thủy sản sang thị trường EU tháng 7/2020

STT	Sản phẩm	Tháng 7/ 2020 (USD)	Tăng /giảm so T6/2020	Tăng /giảm so T7/2019	Tỷ trọng
1	Cà phê	56.485.947	-23,23%	-41,33%	18,66%
2	Cao su	6.607.261	30,35%	-17,23%	2,18%
3	Chè	182.356	57,87%	41,27%	0,06%
4	Gạo	1.984.712	-36,84%	-44,37%	0,66%
5	Gỗ &SPG	33.490.596	-12,36%	18,80%	11,07%
6	Rau quả	11.988.619	-21,71%	-33,18%	3,96%
7	Thủy sản	97.986.898	11,36%	-13,38%	32,37%
8	Hạt điều	63.569.532	0,05%	18,88%	21,00%
9	Hạt tiêu	6.834.663	-16,09%	-17,68%	2,26%
10	Mây tre đan	14.075.568	18,89%	58,86%	4,65%
11	SP từ cao su	11.575.319	27,16%	38,82%	3,82%
12	Thịt và SP từ thịt	495.105	-36,30%	-61,71%	0,16%
Tổng XKNLTS		302.670.599	-4,47%	-12,89%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang EU tháng 7/2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 7/2019		Tháng 7/2020		So sánh 2020/19 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo thơm	2.938	1.665.370	2.788	1.710.174	-5,1%	2,7%
2	Gạo Japonica	2.054	997.392	361	194.715	-82,4%	-80,5%
3	Gạo trắng	1.690	624.833	100	63.533	-94,1%	-89,8%
4	Các loại gạo khác	725	279.850	18	16.291	-97,5%	-94,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang EU tháng 7/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 7/2019 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh T7.2020/T7.2019 (%)
	Tổng GTXK	17,942,503	15,334,793	-14.5%
1	Chanh	6,015,142	4,212,071	-30.0%
2	Thanh long	825,468	1,067,151	29.3%
3	Xoài	521,877	1,063,799	103.8%
4	Dừa	1,240,271	1,025,869	-17.3%
5	Dứa	467,616	796,038	70.2%
6	Nấm các loại	583,781	634,215	8.6%
7	Ngô	445,950	540,656	21.2%
8	Gừng	244,162	300,400	23.0%
9	Khác	7,598,237	5,694,595	-25.1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang EU tháng 7/2020

TT	Sản phẩm	T7/2019 (USD)	T7/2020 (USD)	So sánh T7.2020/T7. 2019 (%)
	Tổng giá trị xuất khẩu	1.274.078,6	495.104,7	-61,1%
1	Đùi ếch đông lạnh	1.190.558,6	420.979,7	-64,6%
2	Động vật sống khác	83.520,0	73.725,0	-11,7%
3	Thịt và các phụ phẩm dạng thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô bò, khô gà, ...)		400	

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường EU năm tháng 7/2020

Loại sản phẩm	Tháng 7/2019 (USD)	Tháng 7/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	9.502.314,75	15.448.935,27	62,58
Cá tra	13.911.048,88	9.598.621,56	-31,00
Cua - ghẹ	348.517,52	905.289,80	159,75
Mực và bạch tuộc	6.568.665,01	4.458.424,23	-32,13
Tôm sú	7.850.374,45	5.900.825,76	-24,83
Tôm thẻ chân trắng	41.509.265,92	45.193.569,69	8,88
Tôm loại khác	2.666.330,86	2.492.129,15	-6,53
Thủy sản khác	16.425.692,46	13.989.102,10	-14,83

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6 : Xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 7/2020

Sản phẩm	Tháng 7/2019 (tr.USD)	Tháng 7/2020 (tr.USD)	So sánh 2020/19 (%)
Đồ gỗ nội, ngoại thất	50.78	51.61	1.6%
Gỗ xây dựng, panel gỗ	2.86	2.60	-9.3%
Hồi, hoa hồi	1.14	1.44	26.4%
Gỗ dán	0.82	0.45	-44.8%
Phụ kiện gỗ trong xây dựng	0.43	0.79	83.3%
Hòm, hộp gỗ	0.19	0.29	47.4%
Than củi	0.16	0.12	-28.3%

Nguồn: Tổng cục Hải Quan